Ký bởi: HĐND tỉnh Thanh Hóa
Giờ ký:19/10/2026 11:14:12

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 39/2026/NQ-HĐND	*Thanh Hóa, ngày 17 tháng 10 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số chế độ, chính sách đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 206/TTr-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 1593/BC-KTNS ngày 16 tháng 10 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại Kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định một số chế độ, chính sách đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số chế độ, chính sách đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa quản lý theo quy định về phân công, phân cấp quản lý cán bộ, đang công tác hoặc đã nghỉ hưu và đang cư trú trên địa bàn tỉnh.

2. Cán bộ công tác tại các cơ quan Trung ương và các tỉnh, thành phố khác có chức vụ, chức danh tương đương với Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trở lên đã nghỉ hưu và đang cư trú trên địa bàn tỉnh.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện chế độ, chính sách.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện chế độ, chính sách

1. Chế độ, chính sách được thực hiện công khai, minh bạch, thống nhất trên địa bàn tỉnh; bảo đảm kịp thời, chu đáo, đúng đối tượng.

2. Cán bộ đã nghỉ hưu được thực hiện chế độ, chính sách theo chức vụ tại thời điểm nghỉ hưu; trong cùng một chế độ, chính sách của địa phương, cán bộ có nhiều chức danh, chức vụ khác nhau thì thực hiện chế độ, chính sách theo chức danh, chức vụ cao nhất, bảo đảm không trùng lặp.

Điều 4. Một số chế độ, chính sách đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

Điều 5. Nguồn kinh phí

Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách quy định tại Nghị quyết này do ngân sách tỉnh bảo đảm.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo các chế độ, chính sách khác do cấp có thẩm quyền ban hành.

Điều 7. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 10 năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XIX, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Như Điều 6;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TTr HĐND, UBND các xã, phường;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Nguyễn Hồng Phong

Phụ lục

MỘT SỐ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CÁN BỘ THUỘC DIỆN BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ, BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUẢN LÝ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA

(Kèm theo Nghị quyết số 39/2026/NQ-HĐND ngày 17/10/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
1	**Thăm hỏi khi cán bộ ốm đau: Cán bộ khi ốm đau phải điều trị tại các cơ sở y tế được thăm hỏi tối đa 02 lần/năm**		
a	Các đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh (đang công tác hoặc đã nghỉ hưu và đang cư trú trên địa bàn tỉnh); các đồng chí công tác tại các cơ quan Trung ương và các tỉnh, thành phố khác có chức vụ, chức danh tương đương với các chức danh, chức vụ nêu tại điểm này đã nghỉ hưu và đang cư trú trên địa bàn tỉnh	Nghìn đồng/người/lần	5.000
b	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh (đang công tác hoặc đã nghỉ hưu và đang cư trú trên địa bàn tỉnh); các đồng chí công tác tại các cơ quan Trung ương và các tỉnh, thành phố khác có chức vụ, chức danh tương đương với các chức danh, chức vụ nêu tại điểm này đã nghỉ hưu và đang cư trú trên địa bàn tỉnh	Nghìn đồng/người/lần	3.000
c	Cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa quản lý không thuộc nhóm đối tượng quy định tại điểm a, b mục này (đang công tác hoặc đã nghỉ hưu và đang cư trú trên địa bàn tỉnh).	Nghìn đồng/người/lần	2.000
2	**Tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán**		
a	Các đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh đã nghỉ hưu và đang cư trú trên địa bàn tỉnh	Nghìn đồng/người	4.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
-	Tiền mặt	Nghìn đồng/người	2.000
-	Hiện vật	Nghìn đồng/người	2.000
b	Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh đã nghỉ hưu và đang cư trú trên địa bàn tỉnh.	Nghìn đồng/người	3.000
-	Tiền mặt	Nghìn đồng/người	2.000
-	Hiện vật	Nghìn đồng/người	1.000
c	Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã nghỉ hưu và đang cư trú trên địa bàn tỉnh.		
-	Tiền mặt	Nghìn đồng/người	1.000
3	**Chế độ nghỉ dưỡng**		
a	Các đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh đã nghỉ hưu và đang cư trú trên địa bàn tỉnh; các đồng chí công tác ở các cơ quan Trung ương và các tỉnh, thành phố khác có chức vụ, chức danh tương đương với các chức danh, chức vụ nêu tại điểm này đã nghỉ hưu và đang cư trú trên địa bàn tỉnh được nghỉ dưỡng tập trung 01 lần/năm. Thời gian nghỉ dưỡng không quá 05 ngày/lần/người	Nghìn đồng/người	10.000
4	**Hỗ trợ tổ chức lễ tang**		
a	Các đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh (đang công tác hoặc đã nghỉ hưu và đang cư trú trên địa bàn tỉnh), khi từ trần.	Nghìn đồng/người	60.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
b	Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh (đang công tác hoặc đã nghỉ hưu và đang cư trú trên địa bàn tỉnh), khi từ trần.	Nghìn đồng/người	40.000
c	Cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý không thuộc nhóm đối tượng quy định tại điểm a, b mục này (đang công tác hoặc đã nghỉ hưu và đang cư trú trên địa bàn tỉnh), khi từ trần.	Nghìn đồng/người	20.000
5	**Chế độ phúng viếng**		
a	Các đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh (đang công tác hoặc đã nghỉ hưu và đang cư trú trên địa bàn tỉnh); các đồng chí công tác tại các cơ quan Trung ương và các tỉnh, thành phố khác có chức vụ, chức danh tương đương với các chức danh, chức vụ nêu tại điểm này đã nghỉ hưu và đang cư trú trên địa bàn tỉnh.		
-	Cán bộ từ trần	Nghìn đồng/người	6.500
+	Tiền phúng viếng	Nghìn đồng/người	5.000
+	Kinh phí mua vòng hoa	Nghìn đồng/người	1.500
-	Bố mẹ, bố mẹ vợ (chồng), vợ (chồng) của các đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh (đang công tác hoặc đã nghỉ hưu và đang cư trú trên địa bàn tỉnh), khi từ trần.	Nghìn đồng/người	4.500
+	Tiền phúng viếng	Nghìn đồng/người	3.000
+	Kinh phí mua vòng hoa	Nghìn đồng/người	1.500

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
b	Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh (đang công tác hoặc đã nghỉ hưu và đang cư trú trên địa bàn tỉnh); các đồng chí công tác ở các cơ quan Trung ương và các tỉnh, thành phố khác có chức vụ, chức danh tương đương với các chức danh, chức vụ nêu tại điểm này đã nghỉ hưu và đang cư trú trên địa bàn tỉnh.		
-	Cán bộ từ trần	Nghìn đồng/người	5.500
+	Tiền phúng viếng	Nghìn đồng/người	4.000
+	Kinh phí mua vòng hoa	Nghìn đồng/người	1.500
-	Bố mẹ, bố mẹ vợ (chồng), vợ (chồng) của các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh (đang công tác hoặc đã nghỉ hưu và đang cư trú trên địa bàn tỉnh), khi từ trần.	Nghìn đồng/người	3.500
+	Tiền phúng viếng	Nghìn đồng/người	2.000
+	Kinh phí mua vòng hoa	Nghìn đồng/người	1.500
c	Cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa quản lý không thuộc nhóm đối tượng quy định tại điểm a, b mục này (đang công tác hoặc đã nghỉ hưu và đang cư trú trên địa bàn tỉnh).		
-	Cán bộ từ trần	Nghìn đồng/người	4.500
+	Tiền phúng viếng	Nghìn đồng/người	3.000
+	Kinh phí mua vòng hoa.	Nghìn đồng/người	1.500
-	Bố mẹ, bố mẹ vợ (chồng), vợ (chồng) của cán bộ khi từ trần	Nghìn đồng/người	3.500
+	Tiền phúng viếng	Nghìn đồng/người	2.000
+	Kinh phí mua vòng hoa	Nghìn đồng/người	1.500